

Số: /QĐ-UBND-HC

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng; Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại văn bản số 2942/STC-HCSN ngày 13 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng quy định tại Điều 2 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Ngoài các đối tượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này, người có nhu cầu học nghề được hỗ trợ chi phí đào tạo theo mức phê duyệt tại Quyết định này.

2. Mức chi phí đào tạo: chi tiết từng nghề theo Phụ lục đính kèm.

Mức chi phí đào tạo nghề nêu trên bao gồm: chi phí tuyển sinh, khai giảng, bế giảng; cấp chứng chỉ cho học viên; chi mua tài liệu, văn phòng phẩm, giáo trình đào tạo; thù lao giáo viên dạy nghề; chi phí nguyên, vật liệu dạy nghề; thuê địa điểm giảng dạy lý thuyết, địa điểm thực hành; thuê vận chuyển thiết bị, vật tư dạy nghề; chi phí khác liên quan đến công tác đào tạo; chi quản lý lớp học.

3. Định mức học viên/lớp:

a) Đào tạo dưới 03 tháng và đào tạo sơ cấp đối với người khuyết tật và các đối tượng còn lại: định mức học viên/lớp được dao động tăng hoặc giảm 20% so với định mức được phê duyệt cho từng nghề quy định tại Khoản 1 Điều này, nhưng tối đa không vượt quá 35 học viên/lớp theo quy định.

b) Đào tạo dưới 03 tháng và đào tạo sơ cấp đối với dạy nghề theo địa chỉ: định mức học viên tối đa 100 học viên/lớp.

4. Tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo theo địa chỉ cho doanh nghiệp:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 80% chi phí đào tạo, doanh nghiệp sử dụng lao động chi 20% chi phí đào tạo, áp dụng đối với các doanh nghiệp có trụ sở chính tại các xã trong tỉnh.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 75% chi phí đào tạo, doanh nghiệp sử dụng lao động chi 25% chi phí đào tạo, áp dụng đối với các doanh nghiệp có trụ sở chính tại các phường, thị trấn trong tỉnh.

5. Chi phí quản lý lớp học:

Trích 5% trên tổng số kinh phí của lớp đào tạo để chi phí cho công tác quản lý lớp học và được phân chia như sau:

a) Đơn vị đào tạo: trích 3% để chi phí cho công tác quản lý đào tạo tại đơn vị.

b) Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý công tác đào tạo: trích 2% (trong đó: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 1%, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội 1%) để chi cho công tác triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, đánh giá chất lượng đào tạo, văn phòng phẩm, cước bưu chính và các chi phí khác phục vụ công tác quản lý đào tạo.

6. Nguồn kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện hỗ trợ chi phí đào tạo gồm: ngân sách trung ương; ngân sách địa phương; kinh phí hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

7. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 và Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, theo dõi các đơn vị dạy nghề thực hiện các thủ tục thanh, quyết toán theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 247/QĐ-UBND-HC ngày 27/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực HĐND Tỉnh (báo cáo);
- BCSD UBND Tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Lưu VT, P.KT/HSĩ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Tấn Bửu